

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

QUYỂN 67

Phẩm 24: CA-DIỆP, (Phần 5)

- Nói rộng về nhân quả của Trung đạo sinh nhau, nêu sữa lạc làm ví dụ.

- Nói rộng về bảy thứ ngữ: Nhân ngữ, quả ngữ v.v... .

- Nêu ví dụ bảy loại chúng sinh ở sông Hằng.

- Giải thích về thường xuyên mai một bậc nhất, cái gọi là Nhất-xiển-đề.

- Giải thích thứ hai, xuất hiện rồi biến mất, nói là lòng Tín không đầy đủ v.v....

- Giải thích thứ ba, xuất định rồi thì trụ, nghĩa là nghe pháp suy nghĩ, như pháp mà trụ....

- Giải thích thứ tư, xuất định để quán khắp bốn phương. Giải thích rộng mười sáu hạnh của Noãn, Đảnh, Nhẫn.

- Giải thích phiền não mà Tu-đà-hoàn đã dứt, giống như bốn mươi dặm đường sông, số nước còn tồn tại như một giọt trên đầu sợi lông, cho đến ví dụ vật ngậm, giữ chặt v.v... .

- Giải thích thứ năm, quán khắp công hạnh mình, tức Tư-đà-hàm.

“Bạch Đức Thế tôn! Như người đời nói: “Trong sữa có lạc”, nghĩa này thế nào?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu riêng chấp nghiêng lệch, là năm dục mà người đời nói, che lấp lỗi lầm của họ.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Sau đây là nhân duyên thứ ba, nêu thuyết mà người đời nói: “Trong nhân có quả, nên có công năng sinh ra quả”. Thưa hỏi Phật để xin Phật giải thích.”

Đạo Tuệ ghi: Như trong phẩm Sư tử Hống ở trước cũng nêu lên câu hỏi “Đã có” ở trước. Trong phẩm này dẫn ra vì muốn Phật nói rộng về lý “Chẳng phải có”, “Chẳng phải không”.

“Này người thiện nam! Có thuyết nói: “Trong sữa có lạc” cho đến

“Nếu nói trong sữa không có lạc, thì đó là luống dối.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Có lỗi chấp sớm”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ ba, mượn ví dụ để quở trách chấp: “Nếu nói “Đã có” tức là chấp đằm, tức là thường kiến. Nếu nói: “Không có”, thì lại là nói dối.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Phật dùng hai lần “Lại nữa” để lý giải về câu nói này. Một lần “lại nữa” đầu, trước phá luống dối, một lần “Lại nữa” sau lập ra câu hỏi, chất vấn ngược lại: “Nếu sữa, lạc là một, thì sao chất lạc không có ra trước.”

“Lìa hai việc này, lẽ ra nhất định nói” cho đến “Sữa sinh ra bệnh lạnh, lạc sinh ra bệnh nóng.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Lúc nhân thì không có quả, nên nói cũng không có. Vì chắc chắn sẽ sinh ra quả, nên nói “Cũng có”. Vị sắc khác, nghĩa là sữa trắng mà ngọt, lạc vàng mà chua.”

“Này người thiện nam! Nếu nói trong sữa có tánh lạc” cho đến “Trước không có nay có là pháp vô thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhà chấp thường, nói trong nhân có quả, lỗi ấy khác nhau: Một là cho rằng trong sữa có lạc, vì nhỏ nhiệm nên không thể thấy. Như trong chậu đựng có quả mà quả khác với chậu đựng; hai là cho rằng sữa tức là lạc, lạc tức là sữa, chỉ gọi tùy thời gian đổi thay, vì thể thường duy nhất, nên nói: Về danh từ có trước sau, thật ra không có khác nhau.”

Đạo Tuệ ghi: Nếu cả năm vị có cùng lúc thì cái gì tạo ra thứ lớp? Sữa có trước, kể là lạc, cho đến đề hồ ư?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Chưa thấy nghe có lạc ở trước sữa, thì phải là đồng thời, nghĩa là sữa có vì sao không ở sau, lạc không ở trước? Nên biết khi có sữa, thì không có lạc.”

“Này người thiện nam! Hoặc có thuyết nói sữa có tánh lạc” cho đến “Vì tâm không bằng nhau, nên gọi là luống dối.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì nước sinh từ nước, nghĩa là nếu ông vì thấy từ sữa sinh ra lạc, không từ nước sinh, chứng tỏ sữa có tánh lạc”, đây chẳng phải bằng chứng. Vì sao? Vì sữa là nhân gần, lạc là nhân xa, không thấy gần, không thấy xa, thật ra cả hai đều là nhân, mà nói một có, một không, thì tâm này không bình đẳng.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là nhân duyên thứ tư, lấy ý chấp của người khác kia. Người kia nói: “Sở dĩ biết sữa đã có tánh lạc, là vì có khả năng sinh ra lạc, như nước vì không có lạc, nên không sinh ra lạc được.”

Trong đây có bốn lần “Lại nữa” để phá:

1. Trách làm cho trong cỏ cũng có sữa, nêu lên câu hỏi tất nhiên không bình đẳng.

2. Trách làm cho trong lạc có lỗi sinh ra sữa.

3. Dẫn kinh làm chứng.

4. Nêu bốn nhân hòa hợp, nên sinh nhân thức, chính là nói nhân có lý sinh ra quả, đây là câu hỏi thứ nhất.”

“Này người thiện nam! Nếu nói trong sữa chắc chắn có lạc” cho đến “Chẳng có tánh lạc, chẳng phải không có tánh lạc.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu hai tính chất sữa, lạc là một, thì lẽ ra nên làm nhân quả lẫn nhau?” Pháp sư Tăng Tông nói: Đây là đồng thời trách. Nếu khiến cho trong nhân có quả: Là trong quả lẽ ra cũng có nhân.

Pháp sư Trí Tú nói: Đây là “Câu hỏi thứ hai, đã nói một lúc có thì đồng có.”

“Này người thiện nam! Cho nên Như Lai ở trong kinh này” cho đến “Lẽ ra nói là Phật tánh của chúng sinh cũng không.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Thứ ba là dẫn kinh làm chứng, để làm sáng tỏ Trung đạo.”

“Này người thiện nam! Do bốn việc hòa hợp sinh ra nhân thức” cho đến “Tánh lạc trong sữa cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ba trong bốn việc hòa hợp này là sắc tánh duy thức, còn một việc chẳng phải là tánh chất sắc. Đã khác với tánh chất nhân quả, nên lấy đây để chứng minh là không có.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Lại nêu ví dụ để hiển bày nói trong nhân “Không có”. Như bốn việc hòa hợp, nên sinh thức. Y cứ vào ánh sáng của hư không để tìm thức, làm sao được ư?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Thứ tư, chính là nói nhân có lý sinh ra quả.”

Hoặc có thuyết nói: “Nước không có tánh lạc” cho đến “Từ bốn việc này sẽ sinh ra nhĩ thức.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhân có xa gần, gần gọi là chánh nhân, xa gọi là duyên nhân. Duyên nhân thì đồng, chánh nhân thì khác, nên nói nhân khác quả khác.”

Pháp sư Trí Tú nói: Đây là “Nhân duyên thứ năm. Nêu trong pháp nhân khác không có quả, để chứng minh trong sữa có tánh lạc. Dùng ba lần “Lại nữa” để phá. Đầu tiên nêu nhân khác, quả khác, để nói do chánh nhân, nên lạc từ sữa mà có, không từ nước sinh. Lại nêu sinh thức và cách lấy bơ, để hình thành lạc từ sữa mà có, không thể dựa vào nước.

Thứ hai, dẫn kinh làm chứng. Thứ ba, là nêu tánh của lạc là chua, chỉ rõ trong nhân vốn không có tánh của quả lạc.”

“Này người thiện nam! Lìa phương tiện trong sữa được lạc” cho đến “Lẽ ra cũng lìa phương tiện như vậy mà được.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Lìa, nghĩa là nhiều phương tiện. Như nhỏ một giọt nước cất vừa tìm được trong cây vào sữa, liền trở thành lạc, mà bơ sống cũng giống như vậy. Phải cần có năm duyên, nên biết rằng, pháp sinh khác nhau. Lẽ ra cũng lìa phương tiện, nghĩa là lẽ ra cũng lìa nhiều phương tiện.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Vẫn là một việc trong lần “Lại nữa” thứ nhất, giúp cho thành câu hỏi.”

“Này người thiện nam! Vì cho nên ta nói trong kinh này” cho đến “Nên pháp có, nhân diệt nên pháp không.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Lại nữa lần thứ hai, dẫn kinh làm chứng.”

“Này người thiện nam! Như tánh muối là mặn, làm cho vật chẳng phải mặn” cho đến “Do các duyên khác mà thành mặn.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: Lại “Chứng minh là không có tánh.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Lại nữa” lần thứ ba, trực tiếp nói lên không có quả trong nhân.”

“Nếu nói, tất cả vật không mặn” cho đến “Vật không mặn cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì ý sinh bên ngoài, đáp câu hỏi ở trên, nghĩa là vật không mặn, dù rằng vì tánh chất mặn quá ít, nên không biết. Tìm chất mặn bên ngoài để phát ra.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đều có tánh chất mặn của muối. Nếu nói rằng vật không mặn, vì có tánh mặn, nên phải làm cho chất mặn được phát ra. Nay thấy vật không mặn để vào vật thể mặn, vì nó đúng ra là được, mà trong muối cũng có quá ít tánh chất không mặn? Nếu vậy, mặn và không mặn đều có hai tánh. Vì sao lúc không hợp, không thể dùng riêng? Nên biết rằng các pháp không có quả trước.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Nhân duyên thứ sáu, dùng ba lần “Lại nữa” để phá:

1. Quả trách đều có hai tánh.

2. Do cố chấp của ngoại đạo rằng, trong nhân chẳng phải không có thể của quả, nhưng phải nhờ bốn đại bên ngoài mới được lớn lên, nên vẫn hỏi vặn lại để quả trách. Nếu “Có” trước thì không nên theo

thứ lớp.

3. Lại, nêu quả Thi-lợi-sa, để chứng minh rằng, trong nhân trước không có quả, đây là thứ nhất.

“Nếu nói rằng năng lực của bốn đại chủng bên ngoài thêm lớn” cho đến “Bốn đại cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu năm vị theo thứ lớp đã có, thì không nên giả nói tất cả pháp đều nhờ bên ngoài.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Lại nữa” lần thứ hai, quả trách trái lại, không nên theo thứ lớp.”

Nếu nói từ bốn đại bên ngoài làm bốn đại bên trong thêm lớn” cho đến “Không do bốn đại bên ngoài mà được thêm lớn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Năng lực của bốn đại đồng đều, tự chúng đã có năng lực lớn lên. Trong không làm cho bên ngoài lớn lên, ngoài không làm cho bên trong lớn lên.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đều là nghĩa ấy, nếu nói pháp ngoài có trong thì nay không thấy bên trong làm cho bên ngoài thêm lớn.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Lại nữa” lần thứ ba, Lại nêu quả Thi-lợi-sa để chứng minh ý chỉ trong nhân trước đó không có quả.”

“Này người thiện nam! Như mười hai bộ kinh mà ta đã nói” cho đến “Các kinh như vậy, đều gọi là tùy tự ý nói.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Pháp tướng mà kinh giáo nói vốn tuyên dương ý Phật, ở trên đã dùng để nói về pháp không nhất định, ở đây nói ý Phật không nhất định.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đoạn thứ tư, nói Như Lai khéo biết pháp tướng, có thể tùy tự ý ngữ của mình, như vì cõi Dục, nói cha mẹ sinh ra thân, không nói là do vô minh, đâu thể tiếp nối lời nói này của Phật mà chấp đấm?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn thứ ba là quả trách chấp đấm, nói về lời Phật rộng khắp, không nên chấp nghiêng lệch, khuyên người học chớ ôm ấp cái không thật.”

Nói tùy tự ý ngữ, Phật, là người biết pháp, thích hợp với pháp tướng mà nói.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là đoạn hai, lại mượn một như ý ngữ tùy duyên, được vì nhiều thứ mà nói, hướng chỉ làm sáng tỏ Trung đạo Phật tánh, đâu thể chấp nghiêng lệch được ư? Có bốn lượt:

1. Chính là mượn lời nói không nhất định để nói về tánh không nhất định.

2. Nói về Phật tánh, cũng được tạo ra hữu, vô.
3. Nêu sông Hằng làm thí dụ.
4. Phân biệt được, mất.

Đạo Tuệ ghi: Trên đã nói Trung đạo trong, ngoài, lý Trung đạo hữu, vô không thể chấp nhất định đã xong, nay lại nói về thuyết Phật nói không nhất định, hoặc theo ý mình, hoặc theo ý người, làm sao chấp nhất định được ư?”

“Thế nào gọi là tùy ý người mà nói” cho đến “Lành thay! Trưởng giả! Đây gọi là tùy ý người mà nói.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ý Phật không ác, gọi là tùy ý người khác.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đối với thế gian mà nói, Đức Phật cũng tùy từng thuyết mà đặt tên, gọi là “Tùy tự tha”.

“Nếu chẳng phải lý này, mà nói cho người, thì đó gọi là “Tùy tha”.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nên giải thích về căn cơ của người chẳng phải thuyết rốt ráo, gọi là tùy lời nói của người.”

“Thế nào gọi là tùy mình, người mà nói?” cho đến “Nói không có việc đó. Đó gọi là tùy tự tha mà nói.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tùy thuyết mà người trí ba đời nói không trái nhau.”

“Này người thiện nam! Như ta đã nói Bồ-tát Thập Trụ” cho đến “Đó gọi là tùy ý mình, người mà nói.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhân gần thì dễ thấy, còn nhân xa thì khó biết, vì tự thấy, không thấy chúng sinh, nên gọi là ít thấy.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thập địa đối với Phật, không gọi là thấy. Vì tùy ý, nên nói là ít thấy.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trong phẩm Sư tử Hống đã có hai, ba chỗ giải thích, so sánh nghĩa này.”

“Này người thiện nam! Đôi khi Như Lai vì một pháp” cho đến “Nhưng vẫn không lìa ấm, giới, nhập.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Một pháp thì một nhân, vô lượng pháp có vô lượng nhân. Nói là được căn bản của pháp đó, tức là một gồm thấu vô lượng. Do Thiện tri thức là nói về lòng tin là đã gồm thấu hết. Bồ-đề có hai nhân: Một là nghe người nói pháp, tức là Thiện tri thức; hai là nội tự tư duy, tức lấy lòng tin làm gốc. Không lìa ấm, giới, nhập. Nghĩa là ba pháp này gồm thấu hết các pháp ở đây.”

“Này người thiện nam! Như Lai nói pháp vì chúng sinh” cho đến

“Đó gọi là Như ý ngữ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Như ý ngữ, là khổ không như ý, vui như ý. Chúng sinh chán khổ, muốn cầu như ý. Đức Phật ứng theo căn cơ nói là bẫy, mục đích làm sao cho các chúng sinh đều được an vui. Bảy thứ ngữ đều như ý, mà ngữ thứ bảy được tên riêng của mình. Nếu thích ứng với căn cơ nói bẫy thì thuyết không được nhất định. Không nên nói là ngữ, nghĩa là pháp không có lý này, không nên nói mà nói, chỉ vì muốn cho chúng sinh bỏ việc ác, làm điều lành.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đoạn năm, là quả trách chấp đấm. Nghĩa là có lúc nói quả trong nhân, đôi khi lại nói nhân trong quả, đầu thế theo lời nói này mà sinh chấp ư?”

“Nhân quả ngữ, nghĩa là từ nghiệp quá khứ sinh, cũng có khả năng tạo ra quả vị lai.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trong văn, tự giải thích, đều là lời khuyên răn người học.”

“Này người thiện nam! Như Lai lại có tùy tự ý ngữ” cho đến “Mười hai nhân duyên, đó gọi là không”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lại nói rộng về sự khác nhau của nghĩa hữu, vô của Trung đạo do tự ý phân biệt ở trên. Vì sao? Vì ở trên nói “Có” là “Sẽ có”, “Không có” là hiện “Không có”. Nay nói “Có”, “Không” đều là hiện tại, nên phải phân biệt lại.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đoạn sáu, nhân quả nhất định, nói về nghĩa “Không” và “Có” của Phật tánh: “Có” là pháp “Diệu hữu” của mười Lực, bốn Vô sở úy, là tính của quả quả. Đã được quả thì không có các nghiệp bất thiện, vô ký v.v.... ở quá khứ. Phải biết rằng, khi có quả thì không có nhân, lúc có nhân, há có quả ư? Đây là nói nhân quả nhất định, không được lẫn lộn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: Đây là “Đoạn thứ tư, nói về nghĩa “Có” “Không” của Phật tánh. Gồm có ba lượt:

1. Y cứ vào hai môn để nói về “Có”, “Không”.
2. Y cứ vào bốn môn, để nói về “Có”, “Không”.
3. Y cứ vào bảy môn, để nói về “Có”, “Không”.

“Này người thiện nam! Như “Có” “Hay không có” thiện, bất thiện cho đến “Huống chi Bạc nhất nghĩa đến xuất thế!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói rộng về nghĩa “Có”. “Không” nói trên, cho rằng thiện là “Có”, bất thiện là “Không”, chẳng phải nhân duyên là “Có”, nhân duyên là “Không”, cho đến thuyết Nhất-xiển-đề cũng giống như vậy, mỗi việc đều trái với ở trên, là giải thích nghĩa tự

ý ngữ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ở trước là nêu môn chướng, muốn so sánh với lời của câu dưới, đâu chỉ nhân quả không xen lẫn, mà còn y cứ vào pháp thiện, bất thiện trong nhân, cũng không được lẫn lộn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trên đây, thứ nhất, y cứ vào hai môn để nói về “Có”, “không”. Nói về thời gian quả, có các Tam-muội mười lực v.v... vì thời chỉ có thiện, bất thiện, vô ký, v.v... không có mười lực, v.v...”

“Này người thiện nam! Hoặc Nhất-xiển-đề có Phật tánh” cho đến “Sao chúng sinh lại nhận hiểu có một bề?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Xiển-đề “Có”, người tốt lành thì không, nghĩa là tà kiến dứt pháp lành là nhân, là che lấp thì xiển-đề “Có”, còn người có gốc lành thì “Không có”. Xiển-đề “Không có”, mà người gốc lành thì “Có”, nghĩa là pháp lành duyên theo năng lực của nhân, có công năng dứt trừ chướng, thì người gốc lành thì “Có”, xiển-đề thì “Không”. Vô ký thì chẳng phải chướng, chẳng phải trừ. Cho nên cả hai người đều có. Về tánh của quả Vô học thì hai người đều “Không”.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Xiển-đề có, nghĩa là lại, nói về Phật tánh, không được có ý lẫn lộn. Xiển-đề dứt hết tất cả việc lành, chỉ có đại ác. Bởi khi xiển-đề có hành động gian ác kia không có điều lành thì lúc ở nhân đâu được quả đã có ư? Điều ác này chính là thân minh khác hẳn với cây đất, sẽ có nghĩa thành Phật, cũng được gọi là tánh của chánh nhân.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ hai, y cứ vào bốn môn để nói về “Có”, “Không”. Mười điều ác là Phật tánh của cảnh giới Xiển-đề. Thời gian sau, người xiển-đề này sẽ nhầm chán việc ác mà khởi điều lành của duyên sinh. Vì nói quả trong nhân, nên nói rằng xiển-đề “Có” Phật tánh. Người thiện “Có”, nghĩa là “duyên” tánh của nhân. Cả hai người đều có Phật tánh, nghĩa là tánh của cá nhân. Hai người đều không là tánh của quả.”

“Này người thiện nam! Như trong sông Hằng” cho đến “Dưới nước trên đất liền đều đi, tức là linh quy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sông, dụ cho kinh Niết-bàn. Bảy hạng chúng sinh, nghĩa là kinh nói bảy thứ Phật tánh, với nghĩa “Có” và “Không” khác nhau:

1. Một là Hiện “Có”, sáu là hiện “Không”.

Ba đời “Có”: Một là hiện tại mà sáu là quá khứ. Vị lai cũng gọi

là Trung đạo.”

Pháp sư Tăng Tông nói: Đây là “Đoạn bảy, nói về nhân quả không lẫn lộn. Trong sông có bảy hạng chúng sinh, trong kinh Niết-bàn có bảy hạng phàm, Thánh. Sở dĩ biết được không lẫn lộn là vì nói rằng, cho đến linh quy mới được gọi là đã đến bờ bên kia. Như vậy, sáu hạng trước cũng còn ở trong sông, ở sông thì không gọi đã đến bờ bên kia, trong nhân há có quả ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: Đây là “Lướt thứ ba, là y cứ vào bảy người để nói “có”, “không”, thường hay chìm mất, gọi là xiển-đề. Tạm nổi rồi lại chìm, nghĩa là phàm phu còn ràng buộc, tạm thời sinh ra đời thiện, lại trở vào sinh tử. Ra khỏi rồi dừng lại, nghĩa là lập năm căn như tín căn v.v.... Quán khắp bốn phương, nói là quả Tu-đà-hoàn. Quán hạnh của mình, nghĩa là Tư-đà-hàm. Đi rồi lại đứng, nghĩa là Na-hàm. Dưới nước, trên đất liền đều đi, nghĩa là chứng đắc La-hán.

Trở lên cho đến Đại Niết-bàn, đều là người thứ bảy.

“Này người thiện nam! Trong sông Đại Niết-bàn mầu nhiệm như vậy” cho đến “là sách của ngoại đạo, chẳng phải kinh Phật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phát ra tà niệm, tà ngữ ở trước, tội chê bai Niết-bàn càng nặng dần, là nhân dứt bỏ pháp lành.

“Bấy giờ, người này xa lìa bạn lành” cho đến “nên gọi là thường chìm lặn, như cá lớn dưới sông Hằng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói rộng, nhằm chỉ rõ lỗi của người chê bai pháp.”

“Này người thiện nam! Dù ta nói Nhất-xiển-đề... ” cho đến “Tu các việc lành như bố thí, giữ giới, đó gọi là thường chìm.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trên nói ba đạo, ở đây nói năm đạo.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Chưa bước lên pháp Noãn trở xuống, đều có nghĩa lui sụt, là người thứ hai.”

“Như Thiện Tinh đã tu được bốn thiên, lại khởi bất thiện, đọa vào ba đường ác.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì nghe kinh sinh niềm tin, nên gọi là xuất, mà vì năm việc không đầy đủ, nên ở trong đó khởi lên ba độc, lại rơi vào số của hai người, nếu tự biết năm việc không đủ, thì phải nhờ bạn lành, tu hành tinh tấn, tín căn được lập, thuộc về trụ vị thứ ba.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Năm đức không trọn vẹn, cuối cùng dứt Phật tánh.”

“Này người thiện nam! Có bốn việc lành mà gặt phải quả ác” cho

đến “Như hai người nói trên, cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thí, giới là pháp ra khỏi sinh tử, gọi là xuất. Kinh dụ cho cơm. Vì: Hữu” nên chìm trong biển sinh tử gọi là “Một”. Kinh dụ cho chất độc, là cơm lẫn lộn chất độc. Lại, sinh niềm tin là nổi lên. Cuối cùng dứt gốc lành là chìm xuống. Cho nên về sau, nêu ra Thiệntinh người thứ hai. Người thứ nhất phiền não sâu dày, sẽ rơi vào khổ nguy kịch, nên nói thân nặng, chỗ sâu! Người thứ hai dù rằng đã khởi sự chệch bại mà ở tương lai, thì dùng pháp lành để tự giúp, nên nói là thân nặng, chỗ cạn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau đây, theo thứ lớp giải thích về năm việc trên mà ý không đầy đủ.”

“Người thiệntam! Hoặc lại có người ưa đắm ba cõi” cho đến “Cho nên gọi là niềm tin không đầy đủ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hai thứ Niết-bàn:

1. Năm phần pháp thân, vì ra khỏi sinh tử, nên gọi là Niết-bàn.

2. Nghĩa là kiệt hết, vô vi. Vì Xiển-đề không có, nên nói rằng không phải tất cả đều có. Không tin có được nhân đạo, nghĩa là Thánh tự nhiên chẳng phải bắt học, chẳng có nhân quả, là không có quả lành.”

“Người này thành tựu đức tin không đầy đủ” cho đến “Cho nên gọi là giới không đầy đủ.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Giới từ Giới, nghĩa là đạo cộng giới. Không có vô tác, nghĩa là giới vô lậu, dứt tạo tác, gọi là vô tác.”

“Người này không có hai việc tín, giới” cho đến “Cho nên gọi là nghe không đầy đủ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhân nêu việc học rộng, nói rõ các nghĩa khác.”

“Người này không có ba việc như vậy” cho đến “Cho nên gọi là bố thí không đầy đủ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thí cho của cải, sự việc nông cạn, vẫn chẳng thể làm được, huống chi là bố thí pháp ư?”

“Người này không có bốn việc như trên” cho đến “Cho nên gọi là trí không đầy đủ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Niết-bàn là hiệu chung của “Có”, “Không”, Như Lai là thân trí có danh. Giải thoát là diệt kiết chẳng có hữu “Chẳng có một”.”

“Người này không có năm việc như vậy” cho đến “Vì thấy ánh sáng nên nổi lên, vì thân nặng nên chìm xuống.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thêm lớn việc lành là người thứ

ba, thêm lớn điều ác là người thứ hai. Tự cho là vượt hơn trong những người cùng thực hành, đồng với điều mình đã thấy, là vượt vượt hơn trong loài người.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích năm việc đã xong. Trước đã nói lỗi của người thứ hai. Sau trình bày tính chất tốt của người thứ ba. Một là thêm lớn pháp lành, nghĩa là giải thích người thứ ba. Một là thêm lớn pháp ác, là giải thích người thứ hai. Người thứ hai vì không thể gần gũi bạn lành, nên lại làm ác vào sinh tử, thành tạm nổi lên rồi chìm trở lại. Nếu người này tự biết thấy sâu sắc thực hành không đầy đủ, thì cầu tinh tấn để trở thành người trụ thứ ba.”

“Người thứ hai, tự biết thấy sâu sắc” cho đến “Không bao giờ còn chìm nữa, đó gọi là trụ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đó là người thứ ba.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Cầu mong được gần gũi bạn lành, được làm pháp Noãn, thành người thứ ba, không bao giờ còn lui sụt.”

“Trong Phật pháp của ta, ai là người nổi lên rồi không còn chìm trở lại nữa?” cho đến “Những người như thế cũng giống như vậy?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tôn giả Xá-lợi-phất... đều chứng được địa vị pháp Noãn, chính là nhóm định.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Xá-lợi-phất đã từng trải qua người thứ ba đến, từ gốc mà được tên, để chứng minh nghĩa không lui sụt.”

“Cho nên, trong kinh ta có nói kệ rằng” cho đến “Chứng được giải thoát, trụ yên ổn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dẫn kệ để khuyên răn, khen ngợi những người có khả năng trụ.”

“Này người thiện nam! Biết không đầy đủ gồm có năm việc” cho đến “Quán như vậy rồi, thứ lớp sẽ được pháp Noãn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ lớp chứng được pháp Noãn, nghĩa là dứt ngoại đạo, phàm phu, nhập nhóm chánh định, ở lại địa vị Sơ trụ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Tham dục, thường quán bất tịnh: Là nói về quán hạnh của người thứ ba, tiến dần vào pháp Noãn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lại nêu năm pháp, lại có chỗ thực hành, đó là người thứ hai. Nếu gặp bạn tốt, tùy bệnh cho thuốc thì sẽ thành người thứ ba. Nếu không như vậy, thì sẽ lại thành người thứ hai. Người có nhạy bén, chậm lụt. Người căn cơ nhạy bén, quán “Không” giả danh, thì vẫn chấp pháp không, chủ yếu là thấu suốt lý hai chái nhà xong, vừa mới xuất quán, kể là pháp Noãn, kết thành người trụ.”

Người căn cơ chậm lụt, không thể được như người căn cơ nhạy bén này. “Không” giả danh tức là xuất (nổi lên), tín, căn cũng lập, thành người trụ thứ ba. Cho nên kết luận có hai thời gian chẳng phải là pháp Noãn, chỉ trở thành người trụ, mà là gốc lành ban đầu đã không thành, pháp Noãn là đầu tiên của “Pháp không”. Bắt đầu của gốc lành thứ hai, là vì cách lửa vô lậu không còn xa, nên so sánh với Noãn.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Theo thứ lớp lại quán mười hai nhân duyên, nghĩa là bốn Đế vào đạo Tiểu thừa, chính là phân dòng của ba thừa nhập tướng trung đạo này. Lại, quán mười hai nhân duyên, nghĩa là riêng một phương này tùy duyên vào đạo.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Nói rằng, pháp Noãn nhân bạn lành mà sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói về pháp Noãn chỉ có tuệ, chẳng có năm ấm, vì sắc quyết định.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Bồ-tát Ca-diếp đâu chịu không hiểu danh từ Noãn, vì đồng với vật.”

Phật nói: “Này người thiện nam! Như pháp Noãn mà ông hỏi” cho đến “Tất cả chúng sinh đều có pháp Noãn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Pháp Noãn như thế, tất cả đều có. Nay, nói Noãn không phải như vậy.”

“Này người thiện nam! Pháp Noãn như vậy là pháp Noãn của cõi Sắc” cho đến “Tất cả chúng sinh không hẳn đều có.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Noãn chung cho cả ba cõi, có bảy mươi ba người, chỉ nói cõi Sắc, cho rằng chẳng phải tất cả đều có. Sáu hạnh, là vô thường, khổ, nhân, tập, sinh và duyên.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Không nói cõi Dục hoàn toàn không được quán Noãn, chỉ vì ít nên nói là không, nhằm ngăn dứt tất cả câu hỏi về có, nên mới có lời đáp này.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phải chứng đắc định của địa trên, chẳng phải cõi Dục không thể, riêng cõi Sắc có khả năng. Sau đây, tự nêu ra bảy mươi ba người chung cho ba cõi, đều có khả năng tạo nên quán Noãn.

Lại, một giải thích khác: “Vì quả lệ thuộc đương lai, vì cõi Dục trực tiếp tu, gồm nhiếp thân, miệng được quả vui sướng cõi trời, cõi người, gọi là báo thân hành. Tâm cõi Sắc vắng lặng, không rong ruổi lông bông theo duyên bên ngoài, gọi là báo của tâm hành, nên biết là pháp của quả trên. Nói cõi Dục có định: Là phương tiện của thiền định căn bản, chỉ đui dắt người có căn cơ nhạy bén, tức khả năng sử dụng

định này để gồm thâu vào vô lậu. Cõi Sắc dù có thiền định có khả năng tạo ra pháp Noãn, nhưng phải là đệ tử nội đạo chứ chẳng phải ngoại đạo. Nếu đủ mười sáu hạnh, thì mới thành tựu pháp Noãn. Ngoại đạo chỉ có thể tạo ra hai trong mười sáu hạnh và bốn môn đầu thuộc khổ phẩm hạ, thì làm sao thành quán pháp Noãn?”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Tự tánh là Noãn, chứ chẳng phải pháp nào khác, nên gọi là Noãn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tánh tuệ tự hiểu rõ, chứ chẳng phải hiểu rõ người khác.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lại tạo ra hai câu hỏi để khẳng định giai vị của Noãn kia:

1. “Vì sao được gọi là Noãn?”
2. “Vì tự tánh là Noãn hay Noãn khác?”

Nay, Phật chỉ đáp câu hỏi sau, nhằm nói tự tánh là Noãn.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Trước đây, Như Lai đã nói” cho đến “Vì thực hành mười sáu hạnh, tức là trí.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhân đối với lòng tin, tin là nhân của Noãn, nói không có nhân, không có quả. Tức là trí tuệ: Đả phá ngã kiến, tất nhiên do trí tuệ, chứ chẳng phải do mười sáu hạnh như tín... Pháp không ngoài hữu vi, vô vi. Hữu vi có bốn hạnh, vô vi có bốn hạnh. “Có”, “Không”, phải có nhân. Nhân nhóm họp ở đạo hữu vi hữu lậu và hữu vi vô lậu. Hai pháp này mỗi pháp đều có bốn hạnh, thành mười sáu.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bồ-tát Ca-diếp nêu Mã Sư Mãn Túc không có lòng tin. Phải biết rằng, đức tin là pháp Noãn. Phật nói chính là nhân của Noãn, chẳng phải chính là Noãn.”

“Này người thiện nam! Như lời ông hỏi: Vì sao” cho đến “Khói, chính là kiết sử tu đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tướng lửa của tám đạo, nghĩa là vô lậu, có công năng đốt cháy phiền não, gọi là lửa. Vì pháp Noãn làm nhân, nên gọi là tướng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phật đáp câu hỏi thứ hai, nói về tướng của tám Chánh đạo, nên gọi là Noãn. Như cọ lửa trước có hơi ấm.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Sao làm tướng của đạo vô lậu được?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Quả báo được năm ấm cõi Sắc, nghĩa là trên nói pháp cõi Sắc, tức nói về quả báo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Pháp Noãn đã là hữu vi, hữu lậu, do có

khả năng tạo ra nhân, quả báo được cõi Sắc, sao làm tướng của đạo vô lậu được?”

“Phật nói: Này người Thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy!” cho đến “Mà có thể làm tướng cho chánh đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì nhàm chán nên quán hạnh, nghĩa là chính vì hai công dụng này trong nhất tâm, nên biết được nghĩa lành giúp phát ra, vì dùng tướng nên chiêu cảm thọ sinh, cho đến một mảy may pháp lành đều không chiêu cảm sinh tử.”

“Có bảy mươi ba hạng người được pháp Noãn” cho đến “Tạo ra năm tội nghịch, phạm bốn tội trọng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên nói pháp Noãn, ở đây nói người thực hành. Nếu chưa dẹp được phiền não cõi Dục, mà phiền não của ba cõi còn, thì gọi là phạm phu còn trói buộc. Nói là một hạng người, nếu dứt một phẩm phiền não, thì gọi là không đủ. Đến Cửu phẩm là chín, chung với trói buộc đủ của cõi Dục trước là mười. Ở trên, trừ bảy địa của bi, mỗi địa đều có chín vị, không còn dứt gốc lành nữa.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đại ý cho rằng: “Bảy mươi ba người này đều thực hành quán Noãn. Cõi Dục có mười Sơ thiên, đến Bát dụng xứ, gồm có bảy địa, bảy lần chín là sáu mươi ba, chung cõi Dục mười, thành bảy mươi ba. Chính phẩm kiết của cõi Dục. Nếu là phạm phu còn bị trói buộc, thì chẳng phải không hàng phục thô, chẳng phải hàng phục theo thứ lớp của vài kinh gia, trước phải được tâm Sơ thiên mới hàng phục được kiết cõi Dục, phải được tâm của địa trên, khuất phục kiết địa dưới. Theo ngài Luận chủ thì không được như vậy. Như làm cho người của pháp Noãn được tâm Sơ thiên, hàng phục kiết cõi Dục. Nếu là người căn cơ nhạy bén thì không cần phải là tâm của địa trên, chính là dùng tâm của địa mình. Tự từ bốn ý, chỉ nhập dần pháp Noãn, nhập kiến Đế, thành quả Thánh. Nếu người căn cơ chậm lụt thì phải tu định vượt hơn của địa trên để giúp sức, mới chế phục được kiết của địa dưới.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phật mới ra đời, trước phải độ tất cả ngoại đạo. Nhưng phương pháp hàng phục kiết, mà ngoại đạo đã áp dụng, cũng không biết được sự khác nhau của tư duy kiến đế, chỉ biết nhàm chán địa dưới, mong được địa trên, tạo ra phương pháp hàng phục của chín phẩm. Vì sao? Vì gốc kiết của kiến đế, là dùng ngã kiến và đoạn thường làm gốc. Ngoại đạo không hàng phục được kiết này, nhưng so với tư duy thì đồng, sao lại không hàng phục? Vì chỉ tự hàng phục kiết của kiến Đế không thành tựu, nên nay Đức Phật chỉ y cứ hàng phục chín phẩm tư duy hoặc của ba cõi, tạo nên bảy mươi ba vị không y cứ ở

kiến Đế. Nhưng bắt đầu hàng phục lấy định, về sự mới chuẩn y nhau, sau khi thành tựu phải quán Noãn, đều là do dụng của trí tuệ. Mười vị cõi Dục, đã từng hàng phục tư duy, hoặc vì chín phẩm tạo nên chín vị. Một người đầu tiên kia đều chưa trải qua hàng phục kiết. Vì sao? Vì người này trước đây dù không khởi tâm hàng phục “Hoặc”, cũng gặp được Hiền, Thánh, tức là từ giáo hạnh, thực hành, tạo ra quán khổ, vô thường, được giả gọi là “Pháp không”, trở thành quán pháp Noãn. Cho nên vì một người là nếu người đó đã từng tác động tâm, dùng chín phẩm hàng phục “Hoặc”, thì về sau nhập đạo, không khác phương pháp của một vị đầu tiên. Như vậy từ cuối quả cõi Dục cho đến một địa của Vô sở hữu xứ có chín, y cứ cõi Dục, người chưa từng hàng phục kiết là một, đây là bảy địa có chín, tức bảy lần chín là sáu mươi ba. Y cứ mười người cõi Dục, hợp thành bảy mươi ba người. Vì sao cõi Dục có vị mà cõi trên chỉ có chín. Nhưng sinh về cõi trên chẳng có việc không hàng phục “Hoặc” của địa dưới mà được sinh lên cõi trên. Người sinh lên cõi trên đã không có, như người cõi Dục chẳng hề hàng phục “Hoặc”, nên chỉ có chín vị.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Không đối với người hàng phục Tướng phi phi tướng, dựa vào kinh Tiểu thừa để nói phạm phu kính ngưỡng không có chỗ nương, vì không thể hàng phục phiền não.”

“Những người này gồm có hai hạng:

1. Gặp bạn lành” cho đến “Gặp gặp bạn lành thì quán khắp bốn phương.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích công năng của pháp Noãn, tạm nổi lên rồi chìm lại, nghĩa là nếu gặp phải bạn xấu thì trụ vào phạm phu nội. Chìm ở trời, người, không mau chóng thành tựu quả vị.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Hiểu từ phần này, lấy người thứ tư, người thứ ba, tất nhiên không lui sụt mà nói là hai hạng người, đó là nói chưa được Noãn. Lúc ở bốn niệ xứ, gặp bạn lành thì tiến tu nhập đạo. Nếu gặp phải bạn xấu ác thì Noãn còn không được, hướng chỉ là quả Thánh?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Không khác với giải thích trước, hề gặp được bạn lành thì thành người trụ, còn gặp bạn xấu ác, thì chìm trở lại.”

“Quán khắp bốn phương, chính là Pháp đánh” cho đến “Bốn phương chính là bốn Đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Người thứ tư thì từ đánh trở lên,

trụ hạnh nhanh chậm, không bị bạn ác ràng buộc. Từ bốn Niệm xứ đến pháp Thế bậc nhất có năm phẩm gốc lành: Hạ, Trung, Thượng; thượng trung, thượng thượng. Bốn niệm là hạ, pháp Noãn là Trung. Pháp đảnh là thượng. Pháp Nhẫn là thượng trung, pháp Thế đệ nhất là thượng thượng. Niệm các pháp trước kia không nhất định, không xếp vào năm phẩm, ở trên hai phẩm gọi là đảnh. Bốn phương dụ cho bốn Đế. Quán hạnh càng xa, nói là khắp, giải thích về nghĩa đảnh. Tánh là năm ấm: Đủ các nghiệp của thân, kiến... gọi là phàm phu. Nặng thì gọi ngoài, nhẹ gọi là trong. Pháp Noãn là bắt đầu dứt nặng. Vì tâm tuệ yếu kém nên chưa có khả năng làm cho các tâm sở của thân, miệng đều trái với ác nặng. Tâm đảnh đã mạnh, làm cho các nghiệp của thân, miệng không khởi lên điều ác nặng nề. Vì nghiệp lành của thân, miệng đều là pháp đảnh, nên nói tánh là năm ấm. Cũng “Duyên” bốn Đế, nghĩa là nói trí tuệ là hành chủ, hành hành. Kế là chứng đắc Pháp nhẫn: Thấy lại kế là lập nhẫn. Trí, tâm chưa cùng khắp, gọi là nhẫn. Kế là được pháp Thế bậc nhất: Kinh nói có phàm phu trong, ngoài. Nếu chưa dứt trong thì gọi là thế. Dứt hết trong, ngoài gọi là Đệ nhất. Năm vị này được Vô lậu thế gian, vừa Thánh vừa Phàm.

Khổ Pháp Nhẫn: Vô lậu xuất thế, dứt phàm phu nội, chỉ nói là trí nhẫn, vì thấy diệt là đạo kiến đế, không thấy diệt thì sẽ không thấy khổ...

Nói sắc v.v... là có tánh. Có tánh thì thường, thường tức là lạc, lạc tức là không khổ. Thấy sắc vô tánh, vì nhân duyên giả hợp, khởi chỉ có khổ khởi, diệt chỉ có khổ diệt, bắt đầu thấy khổ nhẫn. Thấy khổ vô sinh, đó là thấy khổ. Đầu tiên gọi là khổ nhẫn, nói thấy diệt kia chỉ nói tên là khổ. Pháp còn lại dễ hiểu.

Nói về dứt kiết có ba cách:

1. Từ lý, không từ nhàm chán.
2. Từ nhàm chán, không từ lý, gọi là ngoại đạo.
3. Từ nhàm chán, từ lý, gọi là Thanh văn.

Bồ-tát từ lý, gọi là Vô sinh pháp nhẫn. Thanh văn nhàm chán chung đối với khổ mà thành tên, giải thích về sự khác nhau của đạo Đại thừa, Tiểu thừa. Tánh nhẫn là tuệ, duyên “Không” là tuệ, duyên “Hữu” là tướng. Duyên một Đế cuối cùng, thấy dứt phiền não, một Đế nói là diệt. Thấy dứt, nghĩa là bốn Đế đã dứt, một trí dứt bốn, nên nói “Cho đến”. Như kinh Thắng Man chép: “Dùng một trí dứt bốn Trụ phiền não, cũng được công đức của bốn đoạn trí”. Lại nói: “Không có trí thượng thượng của thế gian, vì bốn trí cho đến dần trí thượng thượng, vô lậu

xuất thế.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Người của pháp Đảnh dù “Duyên” với bốn Đế, nhưng tâm tu tập “Không” ít, ý thấy “Hữu” thì nhiều. Ấm là nói có, cũng gọi là chứa nhóm. Nói về quán tâm này vì còn hữu tình nhiều. Nên nói là tánh.

Cho đến Pháp nhẫn vượt hơn Tiểu, cũng tánh là năm Ấm.

Pháp thế Bạc nhất gọi là tánh. Năm căn này: Được lý chuyển biến sâu, dời đổi ấm, tạo ra tên căn. Nói là pháp đệ nhất, tâm có khả năng vì vô lậu tạo ra căn, khổ nhẫn “Duyên” theo một Đế. Nếu nói về pháp Noãn ở trước, thì pháp đệ nhất lúc bấy giờ có thể tập “Duyên” theo một Đế. Đã có tâm thì nhiều, không có tâm thì ít, chìm mất không có tên. Từ đảnh trở lên, thấy dứt phiền não, đến quả Tu-đà-hoàn là người thứ tư.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chính vì người trụ thứ ba này gặp bạn lành, được lập năm căn tín đứng đầu, giúp cho hiểu biết này thêm lớn, nhập đạo kiến Đế, dứt hết “Hoặc” của tướng biểu thị, thành bậc Tu-đà-hoàn. “Duyên” theo một Đế, nghĩa là được bốn Đế bình đẳng, chánh quán hiện ở trước, không còn khác với bốn, chỉ có “không tuệ” theo nhau. Nếu khi ở năm phương tiện mà vẫn còn có tướng, thọ... khác nhau, thì sẽ “Duyên” với sự khác nhau của bốn Đế. Nay sơ tâm của khổ nhẫn, vì hội nhập vô tướng, nên được duyên với danh từ diệt Đế”.

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Hai là chẳng phải nhân thấy là nhân, ba là lưới nghi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Một Đế: dứt kiệt cùng lúc với kiến Đế, có thể làm chứng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Muốn nghe hội nhập hai kinh, trong đây có bốn câu hỏi. Sau đây sẽ đáp theo thứ lớp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Câu hỏi thứ nhất này, xin hội nhập giáo.”

“Bạch Đức Thế tôn! Vì sao gọi Tu-đà-hoàn là người quán khắp bốn phương?” Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là câu hỏi thứ hai, hỏi vì sao gọi là quán khắp bốn phương?

“Lại, vì sao gọi là Tu-đà-hoàn?”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Câu hỏi thứ ba nói về ý nghĩa vì sao gọi là Tu-đà-hoàn.”

“Lại, vì sao gọi là Tu-đà-hoàn? Vì sao dùng cá thác dụ cho bậc Tu-đà-hoàn?”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Câu hỏi thứ tư: Vì sao dụ cho cá?”

“Phật dạy: Đây người thiện nam! Người Tu-đà-hoàn” cho đến

“Cho nên Như Lai phương tiện nói ba.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thường sinh khởi là thân kiến, nghi. Khó nhận thức là khó có thể dứt. Nhân phiền não là thân kiến. Đối trị kẻ thù là giới, định, tuệ. Phương tiện nói có ba: Giải thích lý do chỉ nói nặng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thân kiến là gốc các “Hoặc”, che lấp phẩm tuệ. Giới thủ trái với chánh đạo, che lấp phẩm giới. Nghi thì che khắp, gặp việc không thành. Ba thứ này sở dĩ nặng là vì phân biệt thì thành vô lượng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Do ba thứ nặng, nghĩa là vì dứt trừ, nên nước của bốn mươi dặm cũng tự khô cạn!”

“Như điều mà ông hỏi, vì sao” cho đến “Phá tan kẻ thù lớn, đó là bốn thứ điên đảo.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là “Đáp câu hỏi thứ hai. Nội ngoại: Kiết ái là nội, sân, mạn là ngoại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Người Tu-đà-hoàn quán sát bốn Đế, được bốn thứ công đức: Hai thứ y cứ vào sở chứng đắc, hai thứ y cứ vào chỗ dứt trừ.”

“Như điều ông hỏi: Vì sao” cho đến “Vì ngược dòng, nên gọi là Tu-đà-hoàn.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chẳng phải đối xứng với danh, chỉ giảng dạy, giải thích trong nghĩa, nghĩa là dứt hết kiết của một nhà kiến đế, vì không còn ở trong dòng sinh tử nữa, nên được tên gọi hiệu này.” “Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Nếu

theo nghĩa này” cho đến “Không được gọi là Tu-đà-hoàn?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu theo nghĩa này, thì Tư-đà-hàm trở lên, đều là ngược dòng, tên gọi lẽ ra không khác?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ba quả đều có hai nghĩa nói trên, vì sao vẫn là Sơ quả?”

“Này người thiện nam! Từ bậc Tu-đà-hoàn” cho đến “Quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước, dứt được gọi là cực, sau, lại dứt nữa gọi là khách. Người này cũng gọi là người Tu-đà-hoàn, là người của quả thứ hai. Sơ quả không có hai tên. Giải thoát, là thân giải thoát.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Phàm phu gọi là cực, Tu-đà-hoàn được gọi là khách”, lại nói: “Làm khách trong Thánh, cực Tu-đà-hoàn gọi là Cực, ba quả gọi là khách, nên do ở trước mà được gọi là Tu-đà-hoàn.

Dòng có hai thứ: Niết-bàn hàng phục kiết, đạo dứt hẳn. Cũng gọi là Bồ-tát: Trước kia, sở dĩ Phật gọi Tu-đà-hoàn là vì trên đồng với dưới. Nay, vì dưới đồng với trên. Một là căn cơ nhạy bén, hai là căn cơ chậm lụt, giải nghĩa rõ ràng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tất cả chúng sinh với tên gọi có mới, cũ, chỉ vì người chưa được bậc Thánh, lúc có phàm phu, gọi là chứng đắc. Về sau, lại đặt ra tên khác chữ mới, xoay vần lẫn nhau cho đến thành Phật.”

“Này người thiện nam! Như điều ông nói: “Vì sao?” cho đến “Cho nên giữ vững, tâm mình không động.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Dùng cá thác để thí dụ, gồm bốn việc trở xuống, từ chỗ hợp thí dụ cho sơ quả có bốn đức.” Pháp Sư Bảo Lượng nói” cá Thác có bốn việc.

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” Cho đến “Vì sao không gọi là Tu-đà-hoàn?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên nói rằng trước đã được. Nay, hỏi: “Vì là trước kia đã được đạo, hay là trước đã được quả để quyết định.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Câu hỏi có hai quan hệ:

1. Hỏi về khổ nhẫn.
2. Hỏi về người siêu việt.”

“Này người thiện nam! Vì Sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Quyết định nói là Sơ, nghĩa là ở quả, không ở đạo.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Một lời đáp, tức là cả hai câu hỏi đều bít lấp. Vì sao? Vì khổ nhẫn ở trước đã được mà chẳng phải quả, cho nên nói là hướng siêu việt quả Na-hàm, mà không phải sơ, cho nên không gọi là Tu-đà-hoàn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đáp câu hỏi ở trước.”

“Như lời ông hỏi: “Người ngoại đạo” cho đến “Đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Na-hàm chẳng phải mới được. Bấy giờ, tám trí đủ mười sáu hạnh: Nói về siêu việt, là đầu tiên có được.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu dựa vào một số kinh, thì Tu-đà- hoàn chứng sáu trí là quả, chưa được cùng tận Vô sinh, chưa được tâm thiền căn bản, không được tha tâm trí..., chẳng phải là tâm chứng quả, tức là không có tám trí, cũng nói là phần ít cùng tận vô sinh.

Ở đây có cách giải thích khác: “Kiến trí, tử trí, quán sát thấy ở bốn

Đế thành bốn. Bốn Đế của quá khứ, vị lai là tử, tức là hợp với Đế, chia ra đời thành tám trí, mười sáu hạnh. Nếu hợp với thế gian, phân tích Đế, nói là người này được đủ, thì đây là cố chứng Tu-đà-hoàn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói không có pháp siêu việt này. Nhà kia sở dĩ tạo ra nghĩa này, là vì dùng đẳng trí để dứt kiết, nên lúc còn là phạm phu, do dứt tư duy phiền não, về sau dứt kiến Đế, kiết hết, thăng vượt lên chứng quả Na-hàm. Nay, nói về “Đẳng trí” vốn là hàng phục kiết, chứ chẳng phải đạo dứt hẳn kiết. Và thấy lý, sinh ra kiến giải, phải trước dứt kiến Đế, kế là dứt tư duy. Người này trực tiếp trải qua tâm quả, mà không vượt ra ngoài quán, chẳng phải là siêu. Lúc bấy giờ, đủ tám trí, Na-hàm không còn quán bốn Đế tám trí tử hiện làm nhân, chỉ dùng một trí diệt Đế làm nhân được quả, đâu được gọi quả thứ ba là Tu-đà-hoàn?”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Người được A-na-hàm” cho đến “Vì sao không được gọi là Tu-đà-hoàn?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sắp được quả thứ ba cũng được pháp này, lại được đồng thời.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói vị Na-hàm này cũng được tám trí, đồng thực hành mười sáu quán hạnh.”

“Này người thiện nam! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai thứ” cho đến “Do nhân duyên này, nên dụ như cá thác.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chung, nghĩa là phạm phu trong, ngoài, đều bỏ phạm được Thánh, nên gọi là sơ quả A-na-hàm. Vì thăng tất hai quả, chẳng phải mới xả cho nên là chung. Pháp Noãn trở xuống là phạm phu ngoài, cũng được thực hành mười sáu hạnh, trong, ngoài chung. Văn không chung ẩn, pháp Noãn trở lên và bốn quả đều không chung. Vì sao? Vì về sau, gồm thâu dùng làm quả biết chung, chẳng phải chỉ có hữu lậu. Pháp Noãn của quả Hưởng trở lên, đều gọi là Hưởng, là vô lậu thế gian, gọi chung là vô lậu. Tám trí cũng giống như vậy.

Nói siêu, nghĩa là thành quả của đạo tử trí. Bỏ bảy, không bỏ tám, ở đây nói bỏ bảy không bỏ tám, chẳng phải chỉ mười sáu thế tục không dứt kiết, mà rõ ràng là không có siêu việt. Đức Phật có siêu ngữ. “Vì sao?” Ca-diếp hỏi: Hàng phục được kiết của “Ba không”, nghĩa là người căn cơ nhạy bén do nhầm chán đối với địa dưới, đi tắt hai quả đầu không trụ, đến quả thứ ba mới trụ. Đức Phật vì trụ xứ nói siêu việt “Hoặc”, nghĩa là không mất ý chỉ khi trải qua Sơ quả. Bồ-tát Ca-diếp hỏi, chính là vì: Duyên” một Đế là diệt Đế. Sinh tử vô cùng, bị bốn đảo làm mê hoặc. Pháp Noãn trở xuống, cần phải “Duyên” riêng bốn Đế,

giúp cho thành sơ quả. Đảo nặng đã diệt, không cần bốn.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Phân giải đều có chỗ. Tu-đà-hoàn thực hành trong đạo kiến Đế. A-na-hàm tư duy hạnh trong đạo. Mười sáu hạnh hữu lậu có hai thứ: Gồm năm phương tiện đều gọi là hữu lậu. Nếu bốn ý chỉ thì chung cho ngoại đạo, phàm phu. Vì sao? Vì nói bốn ý chỉ, con người vẫn có thể có lui sụt. Trở lại phàm phu ngoại đạo. Về mặt lý chưa được chia cách với ngoại đạo, cho nên nói là chung. Nếu vào pháp Noãn, pháp căn lập chuyển, được “Pháp không” chiếu lý, không bao giờ còn lui sụt, vì chia dứt phàm phu, nên nói là không chung. Mười sáu hạnh vô lậu có hai thứ mới nhập kiến đế, chưa được quả Tu-đà-hoàn. Bảy giờ, nếu là tâm thứ mười sáu chứng quả, thì gọi là đắc quả. Tâm trí cũng có hai thứ. Nếu là tâm thứ mười lăm trở lên, thì lúc bảy giờ kiến trí, tỷ trí đều được gọi là hương. Nếu là tâm thứ mười sáu chứng quả rồi, thì lúc giờ thực hành kiến trí, tỷ trí, quán bốn Đế, gọi là quán đắc quả. Tu-đà-hoàn xả chung, được không chung, nghĩa là không nói xả trong bốn ý chỉ trước. Trước đã xả lâu rồi, nay nói xả, là trở lại mười lăm tâm trong kiến đế, đều là mười sáu hạnh chung trong hương. Nay, bỏ vô lậu chung, được quả không chung. Nếu khi chứng quả, mới không tạo ra mười sáu hạnh, chỉ làm cho tâm ở quả không còn chung với hương, cho đến xả tám trí của Hương, được tám trí của quả. Na-hàm thì không phải như vậy, nghĩa là nói Tu-đà-hoàn phân giải kiến đế, hạnh trong Hương mới thành Tu-đà-hoàn. Na-hàm đã trải qua hai quả, phân giải tư duy, quả khác, Hương khác, đâu được giống nhau? Tu-đà-hoàn “Duyên” với bốn Đế, Na-hàm “Duyên” một Đế, là trở lại y cứ vào giải thoát mà có tên gọi. Giống như pháp Thế bậc nhất cũng đều duyên bình đẳng. Bảy giờ, thấy hữu tình nhiều, ý nhận thức “Không” thì ít. Nếu nhập hạnh vô tướng thì tâm “Không” sẽ vượt hơn. Do đó, nên từ Pháp đệ nhất của Địa bất Như, y cứ vào “Hữu” để có được tên. Hạnh vô tướng vẫn chưa thể đều là luống dối có tâm, chỉ có hư không “Duyên” theo ánh sáng là vượt hơn. Y cứ không có được tên, nay Tu-đà-hoàn cũng “Duyên” một Đế bình đẳng, chính vì không bằng Na-hàm, lại nói là “Duyên” bốn Đế, thật ra không “Duyên” bốn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là ý đáp. Theo thứ lớp trước, sau, nói về từng bậc của hạnh. Sau đó, sẽ giải thích lý do ý không được. Hữu lậu có hai thứ: Bốn niệm, mười sáu hạnh ở trước. Hai thứ này có ở cả ngoại đạo, và phàm phu. Từ bốn niệm trở lên mười sáu, thời gian này không còn chung nữa. Vô lậu có hai thứ: Quả và Hương, là khổ Pháp nhãn trở lên, đến mười lăm là quả, là khi được Tu-đà-hoàn, mới không

có sự khác nhau giữa mười sáu, vì chỉ chứng minh công hạnh đã làm trước đây, nên nói là đủ mười sáu. Tám trí cũng có hai, nghĩa như trên.

Nhưng trong hạnh vô tướng cũng không có tám, chỉ gọi là nhân, thời gian, danh. Bỏ mười sáu chung là bốn Niệm trước, được không chung là Phạm phu nội, bỏ tám trí của quả Hưởng: Khổ, nhân trở lên mười lăm tâm. Được tám trí đặc quả: Thời gian về quả, rõ ràng. Na-hàm không phải như vậy: Giải thích đúng về nhân của hai người khác nhau. Được quả Tu-đà-hoàn, về sau chỉ quán một Diệt Đế, không còn dùng mười sáu hạnh, tám trí để làm nhân nữa, làm sao gọi Na-hàm là Sơ quả ư?”

“Quán khắp hạnh mình, là bậc Tư-đà-hàm” cho đến “Quán khắp các phương rồi, vì ăn nên đi.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Người thứ năm, vì tiến tu tư duy, nên gọi là đi (hành).”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đã trải qua Sơ quả, quán sát bốn Đế. Nay lại là Hạnh, Hưởng quan hệ tư duy, dứt tham ô, sân, thô, tư duy sáu Phẩm.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ năm là người Tư-đà-hàm, vì dứt ba độc, tiến tu vào đạo, về nghĩa như cá thác vì miếng ăn nên lội đi.”

